BVBank
Ngân hàng Bản Việt

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ
Dành cho Khách hàng cá nhân
Hiệu lực áp dụng từ ngày 09/11/2026

	Khoản mục phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)
I	**CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ**	
1	**Chuyển tiền đi**	
1.1	Phí chuyển tiền	Mục đích du học/mục đích khác: 0,20% số tiền chuyển Min: 10USD
1.2	Trường hợp người chuyển chịu phí Ngân hàng Nước ngoài (Phí OUR) - khoản phí thu thêm (*)	
a	USD	- Phí OUR : 25 USD - Phí Full Pay: 30 USD (**)
b	SGD	30 SGD/giao dịch
c	EUR	- Dưới < 12.500EUR: 35EUR - Từ 12.500EUR đến 50.000EUR: 55EUR - Trên ≥ 50.000EUR: 65 EUR
d	Các loại ngoại tệ khác	- KRW: 24.000 KRW - JPY: 0.15% *số tiền chuyển; Min: 40USD - AUD: 35USD - Ngoại tệ khác: 35USD/ngoại tệ tương dương
1.3	Phí dịch vụ thanh toán đa tệ (***)	10USD/lần
1.4	Phí sửa đổi, bổ sung thông tin, hủy theo yêu cầu người chuyển tiền	30USD/lần
1.5	Tra soát lệnh chuyển tiền	30USD/lần
2	**Nhận chuyển đến**	
2.1	Phí ghi có vào tài khoản của người thụ hưởng mở tại BVBank	0,05%/ số tiền Min: 5USD Max: 100USD
2.2	Tra soát/Điều chỉnh	30USD/lần
2.3	Thoái hối lệnh chuyển tiền	30USD/lần
	Ghi chú: Các loại phí có phát sinh điện phí, điện phí được quy định tại mục III. Các phí khác	
II	**BẢO LÃNH NGOÀI NƯỚC**	
1	**Phát hành thư bảo lãnh (Bank Guarantee/Standby L/C)**	
1.1	Ký quỹ 100% trị giá	0,50% - 1,00% / năm Min: 50USD
1.2	Ký quỹ dưới 100% trị giá hoặc miễn ký quỹ	1,20% - 2,00% / năm Min: 50USD
2	**Sửa đổi thư bảo lãnh/Standby L/C**	
2.1	Sửa đổi tăng tiền	Như phát hành thư bảo lãnh Min: 15USD
2.2	Sửa đổi thời hạn hiệu lực	0,05%/tháng (tính trọn tháng từ ngày hết hiệu lực cũ cho đến ngày hết hiệu lực mới) Min: 15USD
2.3	Sửa đổi khác	30USD/ lần
3	**Hủy thư bảo lãnh**	
3.1	Hủy thư bảo lãnh do Khách hàng yêu cầu	15USD
3.2	Hủy thư bảo lãnh do hết hiệu lực	Miễn phí
4	**Thông báo thư bảo lãnh/Standby L/C**	20USD
5	**Thông báo tu chỉnh thư bảo lãnh/Standby L/C**	20USD
6	**Thực hiện bảo lãnh, thanh toán Standby L/C**	0,20%/trị giá bảo lãnh Min: 35USD Max: 500USD
7	**Xác nhận thư bảo lãnh**	2%/năm (tính tròn tháng) Min: 70USD
8	**Phát hành thư bảo lãnh đối ứng**	1,00% - 1,50% / năm Min: 70USD

Khoản mục phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)
III CÁC PHÍ KHÁC	
1 Điện phí thanh toán, chuyển tiền	
1.1 Người mua (trong nước) chịu phí	5USD
1.2 Người bán (nước ngoài) chịu phí	25USD
2 Điện khác	
2.1 Trong nước chịu phí	5USD
2.2 Ngoài nước chịu phí	25USD
3 Bưu phí	Thu theo biểu phí của dịch vụ

Lưu ý:
- (*) Trường hợp lệnh chuyển tiền quy định phí OUR, đây là phí của Ngân hàng trung gian (NHTG) đầu tiên. Dịch vụ này chỉ đảm bảo NHTG đầu tiên không thu phí từ số tiền chuyển. Nếu khoản tiền được chuyển qua nhiều NHTG thì có thể sẽ bị trừ vào số tiền chuyển/bị thu thêm tại đầu chuyển, trừ các trường hợp KH sử dụng kèm Dịch vụ Fullpay (chỉ áp dụng cho một/một vài loại ngoại tệ theo quy định BVBank từng thời kỳ).
+ Đối với các giao dịch chuyển tiền quốc tế thanh toán đa tệ, phí OUR được tính theo USD hoặc loại ngoại tệ được trích nợ từ tài khoản của khách hàng tại BVBank theo quy định từng thời kỳ, không tính theo loại ngoại tệ thụ hưởng và KH phải trả thêm phí Dịch vụ thanh toán đa tệ.
- (**) Dịch vụ Fullpay là dịch vụ đảm bảo người thụ hưởng nhận được chính xác 100% số tiền mà người gửi đã chuyển mà không bị bất kỳ NHTG nào trừ thêm phí vào số tiền chuyển.
- (***) Dịch vụ thanh toán đa tệ là dịch vụ cho phép KH chuyển tiền ra nước ngoài bằng đồng tiền của nước người nhận bằng đồng USD/ngoại tệ khác/đồng tiền của nước người chuyển theo quy định BVBank từng thời kỳ.